TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số 30/2022/HNGĐ-ST Ngày 16-8-2022 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu

Ông Nguyễn Hữu Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Cương

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du:* Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 187/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1982. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: T, thôn L, thị trấn L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Lê Thị Y trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Kim T ngày 27/5/2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân được 05 năm chị bán hàng ở Hà Nội thỉnh thoảng nhà có công việc mới về. Vợ chồng không còn liên lạc với nhau chỉ có công việc của con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 05/5/2001 và cháu Nguyễn Kim M, sinh ngày 09/6/2004. Ly hôn cháu T, cháu M đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Kim T trình bày: Anh nhất trí với chị Y về điều kiện kết hôn nhưng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 02 năm không còn quan hệ với nhau. Nay chị Y kiên quyết xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 05/5/2001 và cháu Nguyễn Kim M, sinh ngày 09/6/2004. Hiện hai cháu đang ở với anh. Cháu T đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu M. Anh không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Y có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm được xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 05/5/2001 và cháu Nguyễn Kim M, sinh ngày 09/6/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, 39, 147, 227 Bộ luật TTDS; Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do nguyên đơn chị Lê Thị Y khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Kim T trú tại Thanh Lê, thôn Lũng Sơn, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Kim T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Y kết hôn với anh Nguyễn Kim T ngày 27/5/2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp cần chấp nhận. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân khoảng 04 năm không sống chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh cháu M là con anh T, chị Y thì anh T, chị Y không sống cùng nhau 04 năm mỗi người một nơi và không còn liên lạc với nhau kể cả ngày tết chị Y cũng không về. Xét thấy, vợ chồng chị Y, anh T không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, giải quyết cho hai người được ly hôn để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người là phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Kim T, sinh ngày 05/5/2001 và cháu Nguyễn Kim M, sinh ngày 09/6/2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại buổi làm việc do cháu M chưa đủ 18 tuổi nên anh T yêu cầu đề nghị được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử cháu M đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Y chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Kim T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002079 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND thị trấn Lim;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Xuân Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Quang Lưu – Nguyễn Hữu Xuyên	**Ngô Xuân Phong**